BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 806 /QĐ-TĐHTPHCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-TĐHTPHCM ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện nghiên cứu Phát triển bền vững.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tuyển sinh trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng các đơn vị: Viện nghiên cứu phát triển bền vững, Hành chính – Quản trị, Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục, Kế hoạch – Tài chính, Thông tin - thư viện, Hội đồng tuyển sinh Sau đại học, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ GD ĐT - Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ TCCB - Bộ TN&MT (để b/c);
- Lưu VT, VNCPTBV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Quyền

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ của
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 906.../QĐ-TĐHTPHCM ngày 20.../10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: văn bản này quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ bao gồm: Quy định chung; Tổ chức tuyển sinh; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; Tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với học viên tham gia dự tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trường).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ngành phù hợp: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành phù hợp với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV của hệ thống giáo dục quốc dân, hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

2. Ngành gần: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành gần với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III của hệ thống giáo dục quốc dân, hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

3. Ngành khác: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành khác với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III của, hoặc hai chương trình đào tạo bậc đại học khác nhau hệ thống giáo dục quốc dân, hoặc hai chương trình đào tạo bậc đại học khác nhau trên 40% cả về nội dung và thời lượng.

4. Danh mục ngành gần, ngành khác được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ xác định trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Người tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển hoặc người tốt nghiệp ngành gần và ngành khác đã học bổ túc kiến thức theo qui định trong chương trình đào tạo và có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT.

2. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Điều 4. Tổ chức tuyển sinh

1. Số lần tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ trong năm được thực hiện theo lịch trình chung của Trường; theo quyết định của Hiệu trưởng.

2. Thông báo tuyển sinh được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất là 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ. Thông tin thông báo tuyển sinh thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT.

3. Phương thức tuyển sinh

a) Xét tuyển: ứng viên được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

b) Xét tuyển kết hợp thi tuyển: ứng viên đáp ứng chuyên môn được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy chế này chưa đạt điều kiện về ngôn ngữ nước ngoài phải thi Anh văn trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT.

Điều 5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100).

Điều 6. Đăng ký dự tuyển, gửi giấy báo thi

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định của Trường.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 5 ngày trước khi thi.

Điều 7. Quy trình tuyển sinh

1. Viện Nghiên cứu phát triển bền vững tiếp nhận hồ sơ của ứng viên và thực hiện sàng lọc hồ sơ theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này;

2. Viện Nghiên cứu phát triển bền vững lập danh sách tổng hợp ứng viên đủ điều kiện xét tuyển, ứng viên đủ kiện kiện xét tuyển kết hợp thi tuyển trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

3. Hội đồng tuyển sinh thực hiện tổ chức công tác tuyển sinh theo quy định;

4. Hiệu trưởng quyết định ứng viên trúng tuyển trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tuyển sinh;

5. Hiệu trưởng quyết định công nhận học viên của Trường.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh Trường

1. Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng (nếu có): Phó hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển bền vững;

d) Các ủy viên: một số trưởng hoặc phó đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ tuyển sinh;

e) Thư ký hội đồng tuyển sinh.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Tổ chức triển khai tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường;

b) Thực hiện các công việc liên quan tới công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường;

c) Tổng kết công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường; thực hiện chế độ báo cáo kết quả công tác tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

3. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập bao gồm: Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Chấm kiểm tra, Ban Phúc khảo, Ban thanh tra.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

5. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh trong kỳ tuyển sinh của Nhà trường.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của các ban giúp việc

1. Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh (gọi tắt là Ban thư ký) gồm: Trưởng ban là ủy viên thường trực hội đồng tuyển sinh và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký:

i. Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh giao phó;

ii. Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh; thu lệ phí đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi, phát thẻ dự thi cho thí sinh;

iii. Nhận bài thi từ Ban Coi thi, bảo quản, kiểm kê bài thi;

iv. Thực hiện việc dồn túi, đánh số phách bài thi theo quy định của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh;

v. Bàn giao bài thi của thí sinh cho Ban Chấm thi và thực hiện các công tác nghiệp vụ theo quy định;

vi. Quản lý các giấy tờ, biên bản liên quan tới bài thi;

vii. Lập biên bản xử lý kết quả chấm thi;

viii. Làm báo cáo tình hình chấm thi trình Chủ tịch hội đồng tuyển sinh;

ix. Dự kiến phương án điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển trình hội đồng tuyển sinh xem xét;

x. Gửi giấy báo điểm cho thí sinh;

xi. Gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

c) Ban Thư ký tiến hành công việc liên quan đến bài thi khi có mặt tối thiểu ba ủy viên của Ban.

2. Ban Đề thi

a) Thành phần Ban Đề thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và các ủy viên làm nhiệm vụ: trưởng môn thi, ra đề thi, phản biện đề thi và các nhiệm vụ khác trong Ban đề thi.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Đề thi:

i. Ra đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

ii. In, đóng gói, bảo quản, phân phối và sử dụng đề thi theo quy định;

iii. Bảo quản đáp án của đề thi đã sử dụng và các đề thi, đáp án chưa sử dụng theo quy định bảo mật;

iv. Từng ủy viên Ban Đề thi làm việc độc lập trong phạm vi công việc được Trưởng ban phân công.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban Đề thi:

i. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác ra đề thi;

ii. Bốc thăm chọn đề thi chính thức và dự bị; chỉ đạo xử lý các tình huống bất thường về đề thi;

iii. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng chuyên môn và quy trình bảo mật đề thi cùng toàn bộ các khâu trong công tác liên quan đến đề thi.

3. Ban Coi thi

a) Thành phần Ban Coi thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và các uỷ viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Coi thi:

i. Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban coi thi, cán bộ coi thi, giám sát phòng thi, trật tự viên, cán bộ y tế, công an, kiểm soát quân sự, nhân viên phục vụ tại điểm thi;

ii. Điều hành toàn bộ công tác coi thi theo quy định;

iii. Quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi.

4. Ban Chấm thi

a) Thành phần Ban chấm thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và các ủy viên làm nhiệm vụ Trưởng môn chấm thi, cán bộ chấm thi và các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác chấm thi.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban chấm thi:

i. Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban Chấm thi và Trưởng môn chấm thi;

ii. Điều hành công tác chấm thi;

iii. Chịu trách nhiệm trước hội đồng tuyển sinh về chất lượng, tiến độ và quy trình chấm thi.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chấm thi thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

d) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng môn chấm thi: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và Trưởng ban chấm thi về việc chấm các bài thi thuộc môn mình phụ trách theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

e) Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ chấm thi:

i. Cán bộ chấm thi phải là giảng viên đang giảng dạy môn được phân công chấm, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan;

ii. Thành viên Ban Thư ký không tham gia chấm thi;

iii. Trường có thể mời giảng viên của các cơ sở đào tạo thạc sĩ khác tham gia chấm thi nếu đáp ứng các điều kiện quy định theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

iv. Cán bộ chấm thi phải thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

5. Ban Chấm kiểm tra

a) Thành phần của Ban chấm kiểm tra gồm: Trưởng ban do Trưởng ban chấm thi đề xuất với Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và các ủy viên là cán bộ chấm kiểm tra. Trong cùng một kỳ thi, người làm Trưởng ban chấm kiểm tra không đồng thời làm Trưởng ban chấm thi hoặc Trưởng ban phúc khảo. Những người đã tham gia chấm thi và thành viên Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh thì không được tham gia chấm kiểm tra.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấm kiểm tra:

i. Thực hiện chấm kiểm tra ít nhất 5% số lượng bài thi đã chấm của mỗi môn thi tự luận theo tiến độ chấm thi môn đó;

ii. Cuối mỗi buổi chấm hoặc khi xét thấy cần thiết, Trưởng ban Chấm kiểm tra tổng hợp và báo cáo kết quả chấm kiểm tra và kiến nghị, đề xuất với Trưởng Ban Chấm thi áp dụng các biện pháp phù hợp giúp cho việc chấm thi được công bằng, khách quan, nghiêm túc;

iii. Tổ Chấm kiểm tra chỉ trực tiếp làm việc với các tổ chấm thi và cán bộ chấm thi có liên quan (có ghi biên bản làm việc) theo yêu cầu của Trưởng Ban Chấm thi và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

6. Ban Phúc khảo

a) Thành phần của Ban Phúc khảo gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và các ủy viên là cán bộ chấm thi lại. Cán bộ chấm thi lại phải đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Phúc khảo:

i. Kiểm tra các sai sót khi chấm lần đầu như: cộng sai điểm, ghi nhầm điểm bài thi của thí sinh;

ii. Chấm phúc khảo bài thi do thí sinh đề nghị;

iii. Chấm bài thi thất lạc nay tìm thấy;

iv. Trình Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định điểm bài thi sau khi chấm lại.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Chấm lại: Điều hành công tác chấm phúc khảo và chịu trách nhiệm trước hội đồng tuyển sinh về chất lượng, tiến độ và quy trình chấm lại.

d) Cán bộ chấm thi lại phải thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

7. Ban Thanh tra

a. Thành phần của Ban Thanh tra gồm: Trưởng ban và các ủy viên là cán bộ của Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục. Ban thanh tra được Hiệu trưởng quyết định thành lập.

b. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thanh tra: Thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thi tuyển sinh bao gồm công tác chuẩn bị thi tuyển sinh, công tác coi thi, công tác chấm thi, chấm phúc khảo.

Điều 10. Đề thi tuyển sinh

1. Đề thi Anh văn phải đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT.

2. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Có trình độ thạc sĩ trở lên;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi.

3. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập:

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

4. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định hiện hành.

5. Thang điểm của đề thi môn Anh văn là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100.

6. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy định này; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý

các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi.

7. Hiệu trưởng quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Trường và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo (nếu có).

Điều 11. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy định này.

2. Môn thi được tổ chức trong một ngày và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Khu vực thi trực tiếp phải được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/ tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên.

4. Tổ chức tuyển sinh trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

5. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng.

Điều 12. Chấm thi tuyển sinh

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trưởng ban chấm thi, Trưởng ban chấm phúc khảo, Trưởng ban chấm kiểm tra chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng quy định của Quy định này và Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch hội đồng tuyển sinh của Trường về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Tùy theo yêu cầu và quy mô của kỳ thi tuyển sinh hoặc trong các trường hợp đặc biệt, Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định việc tổ chức thực hiện Chấm kiểm tra trong đó quy trình chấm kiểm tra được thực hiện như chấm thi. Việc chấm kiểm tra được thực hiện ít nhất trên 5% số lượng bài thi đã chấm của mỗi môn thi tự luận theo tiến độ chấm thi môn đó.

5. Tổ chức chấm phúc khảo và điều chỉnh điểm bài thi

a) Thời hạn chấm phúc khảo: Sau khi công bố điểm thi, Hội đồng tuyển sinh nhận đơn xin phúc khảo điểm thi của thí sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố điểm và phải trả lời đương sự chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn. Thí sinh nộp đơn xin chấm phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định.

b) Tổ chức chấm phúc khảo: Việc tổ chức chấm phúc khảo, điều chỉnh điểm bài thi được tiến hành theo các quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hàng năm.

6. Trong trường hợp cần thiết, Trường đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hoặc uỷ quyền cho một đơn vị đào tạo hoặc một đơn vị chuyên môn đúng chuyên ngành thành lập hội đồng chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người, làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do Chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định.

Điều 13. Điều kiện trúng tuyển

1. Ứng viên đáp ứng điều kiện được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Quy chế này được tuyển thẳng.

2. Ứng viên đáp ứng về chuyên môn được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy chế có điểm thi Anh văn đạt tối thiểu 50% của thang điểm môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

3. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được thông báo, số lượng ứng viên tuyển thẳng và điểm môn Anh văn của từng ứng viên (lấy từ cao xuống), Hội đồng tuyển sinh dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển.

4. Trường hợp có nhiều ứng viên trùng điểm (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển;

c) Người có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc đã đủ điều kiện công nhận thạc sĩ (hoặc trình độ tương đương trở lên);

d) Người có bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao.

đ) Người có điểm trung bình tốt nghiệp đại học toàn khóa cao hơn;

Điều 14. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách ứng viên trúng tuyển.

2. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Trưởng gửi giấy báo nhập học đến các ứng viên trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày. Ứng viên đến nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển, nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học.

3. Chậm nhất một tuần sau khi nhập học, học viên phải khai báo đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định của Trường.

4. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những ứng viên trúng tuyển đã đăng ký nhập học và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Công tác lưu trữ, bảo mật

1. Viện Nghiên cứu phát triển bền vững thực hiện lưu trữ tất cả các hồ sơ liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Các cá nhân, đơn vị tham gia tuyển sinh, ra đề, làm đề phải giữ bí mật về công tác đề thi và công tác tuyển sinh.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Trường kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh theo các quy định hiện hành.

2. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Trường. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại đơn vị mình theo quy định của Trường.

4. Những người bản thân tham gia dự thi hoặc có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ trong cùng năm không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Cá nhân, đơn vị vi phạm quy chế này xử lý theo quy định trong Quy định công tác thi tuyển sinh sau đại học năm 2021 của Trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Ứng viên đăng ký thi tuyển sinh sau đại học trình độ thạc sĩ khóa 04 - 2021 được chuyển tiếp thực hiện theo phương thức xét tuyển, xét tuyển kết hợp thi tuyển theo Quy chế này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy chế này sẽ được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế do Viện Nghiên cứu phát triển bền vững đề xuất và trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định./.